

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BUÔN HỒ
TỈNH ĐẮK LẮK**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số:01/2021/KDTM- ST

Ngày 28/4/2021

V/v: *Tranh chấp Hợp đồng mua bán tài sản*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BUÔN HỒ, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Hồng và bà Nguyễn Thị Quỳnh Hải.

Thư ký phiên tòa: Ông Thiệu Sỹ Vững – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Vân – Kiểm sát viên.

Ngày 28/4/2021, tại Phòng xét xử, trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 13/2020/TLST-KDTM ngày 26 tháng 10 năm 2020 về việc “*Tranh chấp Hợp đồng mua bán tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2021/QĐXXST-DS ngày 15/3/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty Cổ phần I .

Trụ sở: 02 X, phường Hiệp B, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật bà Hồ Thị Mỹ Yến – Chức vụ: Giám đốc, có mặt.

Địa chỉ: 02 X, phường Hiệp B, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Công ty TNHH T.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thành T – Chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ trụ sở: 53 T, TDP 5, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 21/10/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án đại diện của nguyên đơn bà Hồ Thị Mỹ Yến trình bày có nội dung: Ngày 01/11/2014 Công ty Cổ phần I ký hợp đồng mua bán hàng hoá số DAN103/HĐMB14 với Công ty TNHH T do ông Nguyễn Thành Tr làm giám đốc để cung cấp bột Trét tường, sơn nước, sơn chống thấm, sơn bóng trong suốt, sơn alkyd....

Ngày 07/4/2016 Công ty Cổ phần I và Công ty TNHH T cộng sổ chót nợ, Công ty TNHH T còn nợ Công ty Cổ phần I số tiền 382.061.000 đồng, ông Nguyễn

Thành T giám đốc Công ty TNHH T thỏa thuận mỗi tháng trả cho Công ty Cổ phần I 30.000.000 đồng. Quá trình thực hiện ngày 19/4/2016 Công ty TNHH T trả được 10.000.000 đồng. Ngày 15/9/2016 Công ty TNHH T xác nhận còn nợ Công ty Cổ phần I 372.061.000 đồng và hẹn mỗi tháng trả 30.000.000 đồng vào ngày 10 hàng tháng. Quá trình thực hiện từ ngày 21/9/2016 đến ngày 18/8/2017 Công ty TNHH T trả được 54.000.000 đồng (Trả hai lần, lần 24.000.000 đồng, lần 30.000.000 đồng). Hiện nay Công ty TNHH T còn nợ Công ty Cổ phần I số tiền gốc là 318.061.000 đồng và lãi suất.

Nay Công ty Cổ phần I khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH T trả số tiền 491.499.000đ (Bốn trăm chín mươi một triệu bốn trăm chín mươi chín nghìn đồng); Trong đó tiền gốc: 318.061.000 đồng, tiền lãi 173.438.000 đồng (Lãi suất tính 1,33%/tháng, tính từ ngày 01 tháng 9 năm 2017 đến 28/4/2021).

Bị đơn Công ty TNHH T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do nên Tòa án không tiến hành lấy lời khai, kiểm tra giao nộp chứng cứ và hoà giải với Công ty TNHH T được.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc Công ty TNHH T có nghĩa vụ trả cho Công ty Cổ phần I số tiền 491.499.000đ (Bốn trăm chín mươi một triệu bốn trăm chín mươi chín nghìn đồng); Trong đó tiền gốc: 318.061.000 đồng, tiền lãi 173.438.000 đồng (Lãi suất tính 1,33%/tháng, tính từ ngày 01 tháng 9 năm 2017 đến 28/4/2021).

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về “Tranh chấp hợp đồng dân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự và tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về trình tự thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử xét thấy bị đơn Công ty TNHH T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn Công ty TNHH T là phù hợp với khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy: Vào ngày 01/11/2014 Công ty Cổ phần I ký hợp đồng mua bán số DAN103/HĐMB14 với Công ty TNHH T. Ngày 07/4/2016 Công ty Cổ phần I và Công ty TNHH T cộng sổ chót nợ, Công ty TNHH T còn nợ Công ty Cổ phần I số tiền 382.061.000 đồng, ông Nguyễn Thành T giám đốc Công ty TNHH T thỏa thuận mỗi tháng trả cho Công ty Cổ phần I

30.000.000 đồng. Quá trình thực hiện ngày 19/4/2016 Công ty TNHH T trả được 10.000.000 đồng. Ngày 15/9/2016 Công ty TNHH T xác nhận còn nợ Công ty Cổ phần I 372.061.000 đồng và hẹn mỗi tháng trả 30.000.000 đồng vào ngày 10 hàng tháng. Quá trình thực hiện từ ngày 21/9/2016 đến ngày 18/8/2017 Công ty TNHH T trả được 54.000.000 đồng (Trả hai lần, lần 24.000.000 đồng, lần 30.000.000 đồng). Hiện nay Công ty TNHH T còn nợ Công ty Cổ phần I số tiền gốc 318.061.000 đồng và lãi suất.

Theo yêu cầu của nguyên đơn, Tòa án đã trưng cầu giám định chữ viết và chữ ký của ông Nguyễn Thành T trong hợp đồng mua bán hàng hoá và phiếu xác nhận công nợ và văn bản đề nghị thanh toán. Tại Kết luận giám định số 20/KLGĐ-PC09 ngày 25 tháng 02 năm 2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận: Chữ ký, chữ viết mang tên Nguyễn Thành T trong tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A2, A3 so với chữ viết, chữ ký đứng tên Nguyễn Thành Trung trong các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1 là do cùng một người ký và viết ra.

Công ty TNHH T đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết và vi phạm thời hạn thanh toán nợ đã ký với Công ty Cổ phần I. Nay Công ty Cổ phần I yêu cầu Công ty TNHH T phải trả cho Công ty Cổ phần I số tiền 491.499.000đ (Bốn trăm chín mươi một triệu bốn trăm chín mươi chín nghìn đồng); Trong đó tiền gốc: 318.061.000 đồng, tiền lãi 173.438.000 đồng (Lãi suất tính 1,33%/tháng, tính từ ngày 01 tháng 9 năm 2017 đến 28/4/2021). Xét yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ phù hợp với hợp đồng mua bán hàng hoá, phù hợp với các giấy xác nhận công nợ và phù hợp với các Điều 430; 431; 433; 434; 440; 357 của Bộ luật Dân sự và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, nên cần chấp nhận.

[4] Về chi phí giám định: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Công ty Cổ phần I yêu cầu trưng cầu giám định chữ viết, chữ ký của ông Nguyễn Thành T và đã nộp tiền tạm ứng chi phí giám định là 6.000.000 đồng, đã chi phí cho việc giám định hết 5.660.000 đồng. Còn lại 340.000 đồng Tòa án đã trả lại cho Công ty Cổ phần I. Kết quả giám định kết luận chứng minh yêu cầu của Công ty Cổ phần I là có căn cứ nên Công ty Cổ phần I không phải chịu tiền chi phí giám định. Công ty TNHH T phải chịu 5.660.000 đồng tiền chi phí giám định. Hoàn trả lại cho Công ty Cổ phần I số tiền 5.660.000 đồng sau khi thu được từ bị đơn Công ty TNHH T là phù hợp với các Điều 161, 162 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn Công ty TNHH T phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 27, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144; Điều 147; Điều 161; Điều 162; khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228; khoản 2 Điều 244; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 430; 431; 433; 434; 440; 357 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần I : Buộc Công ty TNHH T có nghĩa vụ trả cho Công ty Cổ phần I số tiền 491.499.000đ (Bốn trăm chín mươi một triệu bốn trăm chín mươi chín nghìn đồng); Trong đó tiền gốc: 318.061.000 đồng, tiền lãi 173.438.000 đồng (Lãi suất tính 1,33%/tháng, tính từ ngày 01 tháng 9 năm 2017 đến 28/4/2021).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thoả thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thoả thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS 2015.

2. Về chi phí giám định: Công ty TNHH T phải chịu 5.660.000 đồng (Sáu triệu đồng) tiền chi phí giám định. Hoàn trả lại cho Công ty Cổ phần I số tiền tạm ứng chi phí giám định là 5.660.000 đồng sau khi thu được từ Công ty TNHH T.

Về án phí: Công ty TNHH T phải chịu 23.659.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Công ty Cổ phần I số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.407.000 đồng theo biên lai thu số AA/2019/0015613 ngày 21/10/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk
- VKSND thị xã Buôn Hồ;
- Chi cục THA dân sự thị xã Buôn Hồ;
- Các đương sự;
- Lưu Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

(Đã ký)

Đinh Thị Hương

